| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐAN PHƯỢNG**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Minh phúc** |

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 5 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Xuân Trường;

Bà Nguyễn Thị Hồ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 347/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn L, sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT: Cụm X, xã T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Cụm X, xã T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Bùi Văn L trình bày*

- Về tình cảm: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ Ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 21/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra mâu

thuẫn, do bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Anh và chị Vsống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Trước đây cả anh và chị Vđã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng đều rút đơn về đoàn tụ, tuy nhiên sau khi về thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả.

Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tiếp tục được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vân.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 19/10/2016. Ly hôn, anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị Vcấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức với hai bên gia đình: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày*

- Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Bùi Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ Ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 21/11/2015. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 xảy ra mâu thuẫn. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau. Chị thừa nhận trước đây vợ chồng đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng không hạnh phúc mà vẫn sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Hiện nay anh L đã về quê ở huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ở, chị và con ở tại xã T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội. Anh L xin ly hôn, chị không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chị vẫn còn tình cảm với anh L.

- Về con: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 19/10/2016. Ly hôn, chị xin nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng để nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung:

Năm 2017 chị đưa cho anh L 60.000.000 đồng để thành lập Trung tâm Tư vấn và can thiệp sớm Tuệ Lâm.

Vợ chồng tiết kiệm được 200.000.000 đồng anh L đã mang đi làm ăn hết.

Trước khi lấy anh L, anh có nợ tiền, sau khi cưới, chị và anh L đã cùng nhau trả nợ.

- Nay chị đề nghị anh L trả chị:

+ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền thành lập Trung tâm tư vấn và can thiệp sớm Tuệ Lâm;

+ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) trong tổng số 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) vợ chồng tiết kiệm được;

+ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chị đưa cho anh L bảo vệ luận văn Thạc sĩ.

+ 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tiền chị đã trả nợ cho anh L.

Cộng tổng là: 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

- *Tại Biên bản làm việc với Hội Phụ nữ xã T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội thể hiện:* Anh L và chị Vkết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 21/11/2015. Vợ chồng anh chị sống có hạnh phúc hay không, Hội Phụ nữ xã không nắm được. Anh L có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người phụ nữ.

- *Tại Biên bản làm việc với Phòng Lao động Thương binh - Xã hội huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội thể hiện:* Anh L và chị Vcó 01 con chung là cháu Bùi Quỳnh Anh, sinh ngày 19/10/2016. Anh L, chị Vđều có chỗ ở ổn định, có công việc, có thu nhập. Nếu anh L và chị V ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cháu Quỳnh Anh.

Tại phiên tòa, anh L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn chị Vân, được nuôi con chung; không yêu cầu chia tài sản.

Chị Vđã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không ly do.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống giữa anh L và chị Vcó nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay; anh chị đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn, được Tòa án hòa giải, đã về đoàn tụ nhưng mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Văn L đối với chị Nguyễn Thị V.

- Về con: Anh chị có 01 con là cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 19/10/2016, hiện cháu đang ở với mẹ. Để đảm bảo việc học tập của cháu được ổn định, giao cháu Quỳnh A cho chị V nuôi dưỡng; anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị V yêu cầu anh L trả chị 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi mốt triệu đồng), gồm: tiền đóng góp vào thành lập Trung tâm Tuệ Lâm, tiền tiết kiệm, tiền cho anh L bảo vệ Thạc sĩ, tiền công nợ...nhưng chị V không cung cấp được tài liệu chứng minh, nên yêu cầu của chị không được chấp nhận

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

Nguyên đơn là anh Bùi Văn L có đơn xin ly hôn, giải quyết nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Chị Vcó địa chỉ tại xã T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội. Xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn L: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Nguyễn Thị V trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký vào ngày 21/11/2015 tại Ủy Ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, vì vậy xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị Vđều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay; anh L và chị Vđã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, sau đó lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Chị Vxin đoàn tụ vợ chồng nhưng chị không có hành động, việc làm thể hiện việc chị muốn đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa anh L và chị Vđã trầm trọng, đời sống chung không tiếp tục được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho anh L được ly hôn chị Vlà phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh L và chị Vcó 01 con chung là cháu Bùi Quỳnh Anh, sinh ngày 19/10/2016. Ly hôn, cả anh L và chị Vđều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử, xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của anh L và chị Vđều là chính đáng. Cả anh L và chị Vđều có điều kiện để nuôi con; anh chị đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Tuy nhiên anh L và chị Vchỉ có một con chung, hiện nay cháu Anh đang còn nhỏ (chưa đủ 04 tuổi) nên rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ, vì vậy, Hội đồng xét xử ưu tiên dành quyền nuôi con cho người mẹ, giao cháu Bùi Quỳnh Anh cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vyêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Theo Hợp đồng Lao động ký kết giữa anh L với Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội thì anh L được hưởng lương 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm ngàn đồng)/tháng. Số tiền mà chị Vyêu cầu được cấp dưỡng là quá cao so với thu nhập của anh L. Để đảm bảo cuộc sống cho anh L, cũng như anh cũng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Vmỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) là phù hợp.

Anh Bùi Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức với hai bên gia đình: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, anh Bùi Văn L là nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về yêu cầu chia tài sản của Bị đơn là chị Nguyễn Thị V

Xét thấy, Nguyên đơn trong vụ án không yêu cầu chia tài sản, Bị đơn có yêu cầu chia tài sản của vợ chồng. Căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của Bị đơn là yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 202, khoản 4 Điều 189; Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã có văn bản yêu cầu chị Vnộp dự phí án phí đối với yêu cầu của mình, cung cấp họ, tên, địa chỉ, các giấy tờ có liên quan đến tài sản chị yêu cầu, nhưng chị Vkhông nộp Biên lai dự phí án phí cho Tòa án; không cung cấp họ, tên, địa chỉ, các giấy tờ có liên quan đến tài sản chị yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu này của chị Vân. Sau này chị Vcó tài liệu, chứng cứ và có yêu cầu, sẽ được giải quyết ở vụ án dân sự khác. Như vậy, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Vân.

[3]. Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Bùi Văn L.

Anh Bùi Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

**2**. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Quỳnh Anh, sinh ngày 19/10/2016 cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Bùi Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị V để nuôi con chung là cháu Bùi Quỳnh A, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Bùi Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung, công sức với hai bên gia đình: Anh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

**4**. Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Cộng là 600.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014260 ngày 20 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Anh L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

**5**. Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Hòa**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA